

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	18003210	Nguyễn Hoài	Ân	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
2	18000044	Phan Thanh	Bình	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
3	18000037	Trần Công	Chính	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
4	18002398	Võ Phạm Thành	Công	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
5	18004582	Phạm Nhật	Cường	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
6	18000116	Trương Gia	Định	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
7	18005471	Phạm Mạnh	Dũng	18T4-CNÔ1	6,642,000	335,000	6,977,000	
8	18002008	Nguyễn Trần Tấn	Dương	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
9	18002092	Thạch Trần	Hải	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
10	18000447	Trần Minh	Hiếu	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
11	18000125	Nguyễn Gia	Huy	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
12	18000234	Nguyễn Nhật	Huy	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
13	18000088	Nguyễn Trần Đình	Huy	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
14	18000098	Lê Quốc	Khánh	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
15	18000093	Nguyễn Lê Anh	Khôi	18T4-CNÔ1	-	50,000	50,000	Số Liên lạc ĐT
16	18000065	Nguyễn Văn	Kỳ	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
17	18000169	Nguyễn Đôn Thảo	Lân	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
18	18000082	Phạm Quang	Linh	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
19	18000100	La Bảo	Phát	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
20	18000063	Hoa Tiên	Phong	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
21	18000213	Lê Công	Thành	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
22	18001739	Lê Trần Phước	Tín	18T4-CNÔ1	6,642,000	140,000	6,782,000	
23	18000167	Nguyễn Thế Quang	Trung	18T4-CNÔ1	6,642,000	335,000	6,977,000	